

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Kim Tân

Ông Hồ Phi Công

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh Lê Bá Đ, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*- Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Bá Đạt trình bày:* Vào ngày 03/9/2017, bà Nguyễn Thị T gặp anh Lê Bá Đ để nhờ anh làm đại diện theo ủy quyền thực hiện công việc khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T với ông M và giữa bà T với ông P tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Vào ngày 09/9/2017, đôi bên ký kết 02 hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng, thỏa thuận nội dung công việc và thù lao là 20.000.000

đồng trên mỗi hợp đồng. Đồng thời, anh Đ và bà T ký thêm văn bản ủy quyền có chứng thực tại UBND thị trấn G vào ngày 05/9/2017 đối với vụ bà T kiện ông M và văn bản ủy quyền vụ bà T kiện ông P vào ngày 27/10/2017 để nộp vào hồ sơ 02 vụ kiện trên. Đến ngày 14/11/2017, anh Đ hoàn thành công việc đại diện tham gia tố tụng trong vụ án bà T kiện ông P khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận các đương sự số 64/2017/QĐST-DS ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc buộc ông P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000 đồng. Đến ngày 21/6/2018, anh Đ hoàn thành công việc đại diện tham gia tố tụng trong vụ án bà T kiện ông M khi có bản án số 10/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc buộc ông M phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 98.000.000 đồng. Anh Đ đã hoàn thành công việc đại diện cho bà T tham gia tố tụng theo thỏa thuận tại 02 hợp đồng ủy quyền trên, nhưng bà T vẫn chưa thanh toán cho anh Đ số tiền thù lao của 02 hợp đồng là 40.000.000 đồng. Ngày 29/3/2018, bà T và anh Đ ký kết 01 hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng, hợp đồng không có công chứng hay chứng thực, hai bên thỏa thuận nội dung bà T ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T với ông B và bà H đòi số tiền vay 20.000.000 đồng, mức thù lao là 20% giá trị trên tổng số tiền mà Tòa án tuyên bà T được nhận lại; đồng thời, cùng ngày bà T và anh Đ cũng ký kết 01 văn bản ủy quyền được chứng thực tại UBND thị trấn G, số chứng thực 51 quyền số 01-SCT/CK, ĐC để nộp vào hồ sơ vụ án. Anh Đ đã hoàn thành công việc đại diện cho bà T tham gia tố tụng trong vụ án trên khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận các đương sự số 23/2018/QĐST-DS ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc buộc ông B và bà H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc và lãi là 26.000.000 đồng. Vào ngày 11/6/2018, bà T và anh Đ ký kết 01 hợp đồng ủy quyền tham đại diện tham gia tố tụng, hợp đồng không có công chứng hay chứng thực, hai bên thỏa thuận nội dung bà T ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T với ông B và bà H đòi số tiền vay 650.000.000 đồng, mức thù lao là 20% giá trị trên tổng số tiền mà Tòa án tuyên bà T được nhận lại và hai bên có thỏa thuận về bồi thường thiệt hại với nội dung nếu bà T tự ý rút lại đơn khởi kiện mà chưa có sự đồng ý của anh Đ thì bà T sẽ phải bồi thường cho anh Đ số tiền 100.000.000 đồng; trong vụ án này, anh Đ cũng nộp cho Tòa án 01 văn bản ủy quyền được chứng thực tại UBND thị trấn G, số chứng thực 51 quyền số 01-SCT/CK, ĐC để làm thủ tục đại diện tham gia tố tụng. Tuy nhiên, đến ngày 23/10/2018, bà T đòi rút lại yêu cầu khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 76/2018/QĐST-DS ngày 23/10/2018. Khi bà T rút yêu cầu khởi

kiện thì anh Đ không đồng ý, nhưng bà T nói rằng cứ rút lại trước mọi việc sẽ tính sau. Nay anh Đ yêu cầu bà T phải thanh toán cho anh tiền thù lao, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại của 04 hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong 04 vụ án trên, cụ thể như sau: Tiền thù lao đối với hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ kiện ông M là 20.000.000 đồng, phạt chậm thanh toán 6.000.000 đồng, tổng cộng là 26.000.000 đồng; Tiền thù lao đối với hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ kiện ông P là 20.000.000 đồng, phạt chậm thanh toán 6.000.000 đồng, tổng cộng là 26.000.000 đồng; Tiền thù lao đối với hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ kiện ông B và bà H đòi số tiền vay gốc 20.000.000 đồng là 5.200.000 đồng, bà T đã thanh toán 5.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000 đồng; Tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng đối với hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án kiện ông B và bà H đòi số tiền vay gốc 650.000.000 đồng là 100.000.000 đồng, bà T đã tạm ứng trước 5.000.000 đồng, sau khi tính khấu trừ vào tiền phải bồi thường thì tiền phải bồi thường còn lại là 95.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Đ yêu cầu bà T phải thanh toán cho anh là 147.200.000 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà T có ủy quyền cho anh Đ đại diện cho bà tham gia tố tụng trong 04 vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gồm 01 vụ án tranh chấp với ông M, 01 vụ án tranh chấp với ông P, 01 vụ án tranh chấp với ông B, bà H đòi số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và 01 vụ án tranh chấp với ông B, bà H đòi số tiền vay gốc 650.000.000 đồng. Về mức thù lao thực hiện công việc ủy quyền, bà T và anh Đ thỏa thuận bà T sẽ trả cho anh Đ 20% trên số tiền mà bà T nhận được theo bản án, quyết định của Tòa án. Bà T đã tạm ứng tiền thù lao cho anh Đ tổng số tiền là 13.000.000 đồng để anh Đ chi phí đi lại. Về thời điểm thanh toán thù lao ủy quyền, bà T và anh Đ thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà T thực tế nhận được tiền thi hành án thì bà T sẽ thanh toán cho anh Đ. Trong quá trình anh Đ đại diện cho bà T tham gia tố tụng, anh Đ kêu bà ký giấy tờ gì thì bà ký giấy tờ đó để bỏ túi hồ sơ khởi kiện theo lời của anh Đ, chứ bà không đọc lại nội dung. Nay bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Đ, vì các bên có thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà T thực nhận được tiền thì mới trả thù lao cho anh Đ; bà T không đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh Đ số tiền 95.000.000 đồng, vì chính anh Đ là người thuyết phục bà T rút yêu cầu khởi kiện và thay mặt bà T trực tiếp đem đơn rút yêu cầu của bà T đến nộp cho Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố

tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa bảo đảm đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đ, buộc bà T phải thanh toán cho anh Đ tiền thù lao ủy quyền và tiền phạt chậm thanh toán cho việc anh Đ thực hiện công việc đại diện bà T trong vụ kiện ông M, ông P, ông B, bà H với số tiền là 52.200.000 đồng. Bác yêu cầu của anh Đ trong việc yêu cầu bà T bồi thường số tiền 95.000.000 đồng, bởi vì anh Đ là người nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện cho bà T nên anh Đ phải biết và đồng ý với việc bà T rút yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Bá Đ cung cấp 04 hợp đồng ủy quyền được xác lập giữa anh và bà Nguyễn Thị T gồm: Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017, nội dung thỏa thuận bà T ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp yêu cầu ông M phải trả lại số tiền vay mượn cho bà T; Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017, nội dung thỏa thuận bà T ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp yêu cầu ông P phải trả lại số tiền vay mượn cho bà T; Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 29/3/2018, nội dung thỏa thuận bà T ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T với ông B và bà H; Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 29/3/2018, nội dung thỏa thuận bà T ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T với ông B và bà H, yêu cầu phải trả lại số tiền 650.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Các hợp đồng trên chỉ có chữ ký của anh Đ và bà T, không có công chứng hay chứng thực. Bà T thừa nhận chữ ký trên 04 hợp đồng này là chữ ký của bà, tuy nhiên khi bà ký anh Đ chỉ nói là giấy tờ để bỏ túi hồ sơ khởi kiện chứ không nói là hợp đồng thỏa thuận thù lao ủy quyền, bà tin tưởng nên cũng không đọc lại nội dung khi ký vào văn bản, giấy tờ. Anh Đ trình bày anh và bà T ký 04 hợp đồng trên chỉ để thỏa thuận về thù lao ủy quyền chứ không nộp vào hồ sơ các vụ án mà anh Đ tham gia tố tụng vì lý do tế nhị. Còn văn bản ủy quyền để nộp vào hồ sơ các vụ án tranh chấp trên thì anh Đ và bà T xác lập riêng các văn bản ủy quyền khác và đều được chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray.

[2] Trong vụ án bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông P thụ lý số

155/2017/TLST-DS ngày 10/10/2017, bà T ủy quyền cho anh Đ đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017 không có công chứng hay chứng thực (bút lục 32) và Văn bản ủy quyền ký kết ngày 27/10/2017, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 300 quyền số: 01 – SCT/CK, ĐC (bút lục 58-59). Xét về việc thỏa thuận thù lao ủy quyền, tại mục 4 của Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017 (không có công chứng hay chứng thực) có thỏa thuận nội dung: “*Chi phí mà bên A sẽ thanh toán cho bên B là: 20.000.000 đ, nếu tòa án ban hành bản án quyết định, buộc ông Pt phải trả lại số tiền vay mượn cho bà T. Kể từ khi Tòa án ban hành bản án chính thức có hiệu lực pháp luật, thì bên A phải có trách nhiệm thanh toán đủ một lần số tiền 20.000.000 đ cho bên B. Nếu như bên A không Thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ khi có bản án chính thức, thì bên A sẽ chịu phạt thêm 30% trên tổng giá trị chưa thanh toán.*”; còn tại phần II của Văn bản ủy quyền ký kết ngày 27/10/2017, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 300 quyền số: 01 – SCT/CK, ĐC có nội dung thỏa thuận: “*Ủy quyền này không tính thù lao*”. Tuy nhiên, bà T thừa nhận có thỏa thuận trả thù lao đại diện cho anh Đ 20% trên số tiền mà Tòa án tuyên buộc ông P trả cho bà trong bản án hoặc quyết định (bút lục 72). Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc yêu cầu bà T thanh toán cho anh Đ tiền thù lao là 20.000.000 đồng và phạt vi phạm do chậm thanh toán là 6.000.000 đồng theo thỏa thuận tại mục 4 của Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017.

[3] Trong vụ án bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông M thụ lý số 156/2017/TLST-DS ngày 10/10/2017, bà T ủy quyền cho anh Đ đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017 không có công chứng hay chứng thực (bút lục 31) và Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng ký kết ngày 05/9/2017, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 207 quyền số: 01 – SCT/CK, ĐC (bút lục 60-61). Xét về việc thỏa thuận thù lao ủy quyền, tại phần II của Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng ký kết ngày 05/9/2017, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 207 quyền số: 01 – SCT/CK, ĐC có nội dung thỏa thuận: “*Ủy quyền này không tính thù lao*”; Tuy nhiên, tại mục 4 của Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017 (không có công chứng hay chứng thực) có thỏa thuận nội dung: “*Chi phí mà bên A sẽ thanh toán cho bên B là: 20.000.000 đ, nếu tòa án ban hành bản án quyết định, buộc ông M phải trả lại số tiền vay mượn cho bà Nguyễn Thị T. Kể từ khi Tòa án ban hành bản án chính thức có hiệu lực pháp luật, thì bên A phải có*

*trách nhiệm thanh toán đủ một lần số tiền 20.000.000 đ cho bên B. Nếu như bên A không Thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ khi có bản án chính thức, thì bên A sẽ chịu phạt thêm 30% trên tổng giá trị chưa thanh toán.”. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc yêu cầu bà T thanh toán cho anh Đ tiền thù lao là 20.000.000 đồng và phạt vi phạm do chậm thanh toán là 6.000.000 đồng theo thỏa thuận tại mục 4 của Hợp đồng ủy quyền và đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 09/9/2017.*

[4] Bà T cho rằng bà và anh Đ chỉ thỏa thuận khi nào bà T thực tế nhận được số tiền tranh chấp trong vụ án thì mới trả thù lao ủy quyền cho anh Đ và việc bà T đã tạm ứng trước thù lao ủy quyền cho anh Đ số tiền 3.000.000 đồng trong 02 vụ án trên, nhưng bà T không đưa ra được văn bản hay chứng cứ gì khác để chứng minh, nên lời trình bày của bà T không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Trong vụ án bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông B và bà H thụ lý số 72/2018/TLST-DS ngày 17/5/2018, bà T ủy quyền cho anh Đ đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 29/3/2018 không có công chứng hay chứng thực (bút lục 33) và Văn bản ủy quyền ký kết ngày 29/3/2018, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 51 quyển số: 01 – SCT/CK, ĐC (bút lục 62-63). Vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận các đương sự số 23/2018/QĐST -DS ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc buộc ông B và bà H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 26.000.000 đồng. Tại Văn bản ủy quyền ký kết ngày 29/3/2018, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 51 quyển số: 01 – SCT/CK, ĐC không có nội dung thỏa thuận về thù lao. Tuy nhiên, tại mục 3 của Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 29/3/2018, không có công chứng hay chứng thực (bút lục 33) có thỏa thuận nội dung: *“Thù lao cho việc ủy quyền giải quyết tranh chấp mà bên A sẽ thanh toán cho bên B là 20% giá trị tài sản mà bên A nhận được, nếu như Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án quyết định, tuyên bố bên A sẽ nhận lại giá trị tài sản như trong đơn khởi kiện”*. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc yêu cầu bà T thanh toán thù lao là 5.200.000 đồng theo nội dung các bên thỏa thuận tại mục 3 của Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 29/3/2018 (không có công chứng hay chứng thực). Bà T đã tạm ứng thù lao trước cho anh Đ số tiền 5.000.000 đồng trong công việc ủy quyền này. Sau khi tính trừ tiền thù lao tạm ứng trước, bà T phải thanh toán thêm cho anh Đ số tiền 200.000 đồng.

[6] Trong vụ án bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông B và bà H thụ lý số 137/2018/TLST-DS ngày 15/8/2018, bà T ủy quyền cho anh Đ đại diện tham gia

tổ tụng, việc ủy quyền được hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 11/6/2018 không có công chứng hay chứng thực (bút lục 34) và Văn bản ủy quyền ký kết ngày 29/3/2018, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 51 quyển số: 01 – SCT/CK, ĐC (bút lục 64-65). Vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 76/2018/QĐST-DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Tại Văn bản ủy quyền ký kết ngày 29/3/2018, có chứng thực tại UBND thị trấn Gia Ray, số chứng thực 51 quyển số: 01 – SCT/CK, ĐC không có nội dung thỏa thuận về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Còn tại mục 5 của Hợp đồng ủy quyền đại diện tham gia tố tụng ký kết ngày 11/6/2018 (không có công chứng hay chứng thực) có thỏa thuận về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng với nội dung: *“Trong quá trình thực hiện thủ tục tố tụng giải quyết vụ án, nếu mà bà Nguyễn Thị T tự ý chấm dứt ủy quyền hoặc tự ý rút lại yêu cầu khởi kiện trước khi có bản án quyết định có hiệu lực của Tòa án cấp sơ thẩm, thì bên bà T sẽ phải bồi thường 100.000.000 đồng cho ông Lê Bá Đ.”*. Tuy giữa anh Đ và bà T có thỏa thuận về việc nếu bà T tự ý rút đơn khởi kiện mà không có sự đồng ý của anh Đ, thì bà T phải bồi thường cho anh Đ 100.000.000 đồng, nhưng thỏa thuận này là trái với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bởi quyền rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện là quyền của đương sự được pháp luật tố tụng quy định, anh Đ không có quyền hạn chế quyền của bà T bằng việc áp dụng một chế tài bất lợi cho bà T, nên thỏa thuận này là trái luật, không được công nhận. Hơn nữa, anh Đ là người nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện giúp cho bà T, điều đó thể hiện anh Đ biết và đồng ý việc bà T rút yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, bác yêu cầu của anh Đ về việc yêu cầu bà T phải bồi thường 95.000.000 đồng trong việc anh Đ thực hiện công việc đại diện bà T tham gia tố tụng trong vụ án trên.

[7] Tổng số tiền thù lao ủy quyền bà T phải thanh toán cho anh Đ như Hội đồng xét xử nhận định ở đoạn [2], đoạn [3] và đoạn [5] là 52.200.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho anh Đ là 2.610.000 đồng (52.200.000 đồng x 5%).

Anh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bà T phải thanh toán mà không được chấp nhận là 4.750.000 đồng (95.000.000 đồng x 5%).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 418, Điều 468 và Điều 562 của Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho anh Lê Bá Đ số tiền 52.200.000 đồng (*năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng*).

Bác yêu cầu của anh Lê Bá Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T bồi thường số tiền 95.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án trả tiền thì người có nghĩa vụ thi hành án trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Anh Lê Bá Đ phải nộp số tiền 4.750.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 3.880.000 đồng anh Lê Bá Đ nộp tại biên lai thu số 007321 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được tính trừ vào án phí. Sau khi khấu trừ, anh Lê Bá Đ còn phải nộp thêm số tiền 870.000 đồng (*tám trăm bảy mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 2.610.000 đồng (*hai triệu sáu trăm mười ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Nguyệt**



